

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, luồng hàng hải chuyên dùng, vùng quay trở tàu và vùng nước trước Cầu cảng số 1 - Bến cảng chuyên dùng Trung tâm điện lực Quảng Trạch

Vùng biển: Quảng Trị

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 8233/EVNPMB2-KTAT ngày 25/11/2025 của Ban quản lý dự án điện 2 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo thông số kỹ thuật của vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, luồng hàng hải chuyên dùng, vùng quay trở tàu và vùng nước trước Cầu cảng số 1 - Bến cảng chuyên dùng Trung tâm điện lực Quảng Trạch như sau:

1. Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi đường tròn đường kính 1.000m, tâm tại tọa độ:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ WGS-84	
		B (N)	L (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1.	H	17°56'11.2"	106°32'56.0"	17°56'7.6"	106°33'2.6"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt: 21,77m (Hai một phẩy bảy bảy mét).

2. Luồng hàng hải chuyên dùng

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ WGS-84	
		B (N)	L (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1.	B1	17°56'31.8"	106°32'10.1"	17°56'28.2"	106°32'16.7"
2.	B2	17°56'36.7"	106°32'12.7"	17°56'33.1"	106°32'19.3"
3.	B4	17°57'11.1"	106°31'3.6"	17°57'7.5"	106°31'10.2"
4.	B3	17°57'6.2"	106°31'0.9"	17°57'2.6"	106°31'7.5"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt: 11,03m (Mười một phẩy không ba mét).

3. Vùng quay trở tàu

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ WGS-84	
		B (N)	L (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1.	B4	17°57'11.1"	106°31'3.6"	17°57'7.5"	106°31'10.2"
2.	B3	17°57'6.2"	106°31'0.9"	17°57'2.6"	106°31'7.5"
3.	B5	17°57'6.2"	106°30'46.6"	17°57'2.6"	106°30'53.2"
4.	B6	17°57'14.7"	106°30'42.5"	17°57'11.1"	106°30'49.1"
5.	B7	17°57'17.6"	106°30'42.5"	17°57'14.0"	106°30'49.1"
6.	B9	17°57'24.6"	106°30'49.3"	17°57'21.0"	106°30'55.9"
7.	B8	17°57'24.8"	106°30'56.7"	17°57'21.2"	106°31'3.3"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt: 8,49m (Tám phẩy bốn chín mét).

4. Vùng nước trước Cầu cảng số 1

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ WGS-84	
		B (N)	L (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1.	B8	17°57'24.8"	106°30'56.7"	17°57'21.2"	106°31'3.3"

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ WGS-84	
		B (N)	L (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
2.	B89	17°57'22.0"	106°30'50.6"	17°57'18.4"	106°30'57.2"
3.	B11	17°57'33.4"	106°30'44.9"	17°57'29.8"	106°30'51.5"
4.	T4	17°57'34.8"	106°30'47.9"	17°57'31.2"	106°30'54.5"
5.	B10	17°57'34.8"	106°30'51.7"	17°57'31.2"	106°30'58.3"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt: 12,61m (Mười hai phẩy sáu một mét).

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy khi ra, vào, neo đậu tại vùng nước trên tuân thủ theo sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị.

Ghi chú: Truy cập nội dung công bố thông báo hàng hải tại địa chỉ <https://www.vimawa.gov.vn/vi/thong-bao-hang-hai>.

Nơi nhận:

- Cục trưởng (để b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải (thông báo trên website);
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (thông báo trên website);
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (thông báo trên đài thông tin duyên hải);
- Trung tâm PHTKCN hàng hải khu vực II;
- BQLDA Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam (3b);
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Lưu: VT, KCHT_(Q).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Đình Việt